

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Huỳnh Văn Dứt;
 2. Bà Phạm Xuân Đào.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 474/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Ngô Văn D1, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày, qua mai mối, bà D và ông Ngô Văn D1 chung sống với nhau vào năm 1994, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Ngô Minh Đ, sinh năm 1996 và Ngô Thị M, sinh năm 2001.

Trong thời gian chung sống, bà D, ông D1 thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, ông D1 có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần, bà D có khuyên nhưng không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung từ ngày 30/4/2022 đến nay cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông D1; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung do con chung con chung đã thành niên có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy khai sinh số 688/KS, quyển số 03/2006, ngày 09/10/2006 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới cấp đối với Ngô Thị M (bản sao); Giấy khai sinh số 228/KS, quyển số 02/2002, ngày 24/8/2002 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới cấp đối với Ngô Minh Đ (bản sao)

- Bị đơn ông Ngô Văn D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà D và ông D1 kết hôn vào năm 1994, không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà D, ông D1 không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà D, ông D1 là vợ chồng theo Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, 02 con chung tên Ngô Minh Đ, sinh năm 1996 và Ngô Thị M, sinh năm 2001 đã thành niên nên không đề nghị không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà D và ông D1 là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn D1. Đồng thời, ông D1 cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Ngô Văn D1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông D1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị D trình bày, do mai mối, bà D và ông D1 chung sống vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét, bà D và ông D1 chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà D và ông D1 là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Bà D xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Ngô Minh Đ, sinh năm 1996 và Ngô Thị M, sinh năm 2001. Hiện tại, con chung đã thành niên có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét thấy, con chung đã thành niên và bà D không yêu cầu xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Ngô Văn D1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Ngô Văn D1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Ngô Minh Đ, sinh năm 1996 và Ngô Thị M, sinh năm 2001 đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004623 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2022; bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

Ông Ngô Văn D1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm của bà Nguyễn Thị D, ông Ngô Văn D1 được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy